TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYÊN C L
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 02/2018/ HSST
Ngày 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL - HÀ TĨNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Quế.
Các Hội thẩm: 1. Ông Trần Văn Tính, giáo viên nghĩ hưu tại thị trấn Ng; 2. Ông Vỏ Quốc Linh, cán bộ tư pháp Uy ban nhân dân thị trấn Ng.
***Thư ký phiên tòa*:** Bà: Ngô Thị Thanh, thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nam– Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện CL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST ngày 09/ 01/ 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/HSST - QĐ ngày 26/ 01/ 2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 20/12/1989, tại xóm ML, xã XL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Xóm ML, xã XL huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh

Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1964, có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; Có 01 con, sinh 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người bị hại:

1. Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/3/2000. Có mặt.

Trú tại: Thôn TS, xã SL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đặng Thị Hồng Nh, sinh ngày 02/6/2000. Có mặt.

Trú tại: Thôn TV, xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Th, (Vợ bị cáo), nghề nghiệp: Làm ruộng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh 1966, (Mẹ đẻ của Q), nghề nghiệp: Làm ruộng. Trú tại: Xã SL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

2. Bà Vỏ Thị C, sinh 1977, (Bác dâu của N). Vắng mặt do ốm.

Uỷ quyền cho ông Đặng Hữu T, sinh 1975 (Bác ruột), nghề nghiệp: Làm ruộng, đi thay. Trú tại: Xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, Nguyễn Văn T sinh ngày 20/12/1989 trú tại xóm ML, xã XL điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 0531 đi trên đường XD (Thị trấn Ng, huyện CL) hướng từ thị trấn Ng về đường Th - S. Khi đi qua nhà nghĩ Hello thuộc khối 6 Thị trấn Ng phát hiện cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/3/2000 (Trú tại thôn TS, xã SL) đi xe máy một mình có dắt một chiếc điện thoại di động màu vàng trong túi quần sau. Nguyễn Văn T điều khiển xe mình áp sát xe của Q đang điều khiển dùng tay phải rút chiếc điện thoại này của chau Q rồi quay đầu xe bỏ chạy về hướng Tỉnh lộ 548 (Tỉnh lộ 6) về nhà cất dấu tài sản chiếm đoạt được.

Hoàng Thị Q sau khi bị lấy mất điện thoại cũng quay xe đuổi theo, đến xã XL (CL) thì mất dấu nhưng vẫn ghi nhận được biển kiểm soát xe mà Nguyễn Văn T sử dụng để thực hiện hành vi nên đã báo với cơ quan Công an huyện CL.

Nguyễn Văn T sau khi về nhà lo sợ bị phát hiện nên đến 20 giờ cùng ngày đã đến Công an xã XL khai nhận về hành vi cướp giật điện thoại di động của cháu Q và nộp lại vật chứng là chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu vàng đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T còn khai nhận: Trước đó, khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 16/11/2017, một mình T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 0531 đi trên đường Tỉnh lộ 548 hướng về xã TL. Khi đi qua cầu Thuần Chân được khoảng 300 mét, thuộc địa phận xã TL, huyện CL thì phát hiện cháu Đặng Thị Hồng Nh sinh ngày 06/6/2000 (Trú tại thôn TV, xã TL) đi xe đạp điện một mình hướng thị trấn Ng về xã TL trong túi quần sau dắt một chiếc điện thoại di động thì nẩy sinh ý đinh chiếm đoạt nên đã điều xe máy của mình áp sát xe đạp điện của Nh, dùng tay rút lấy chiếc điện thoại di động Samsung J3 của cháu Nh rồi quay xe bỏ chạy về hướng thị trấn Ng. Cháu Nh quay xe đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của cháu Q nói ở trên. Điện thoại lấy được T đưa về nhà cất dấu, đến ngày 20/11/2017 Nguyễn Văn T đưa chiếc điện thoại di động cướp giật được của cháu Nh giao nộp cho cơ quan Công an huyện CL.

Tại kết luận định giá số 19/ KL- HĐĐG ngày 19/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CL xác định, tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S của Hoàng Thị Q trị giá 3.000.000 đồng; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 của Đặng Thị Hồng Nh trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn T chiếm đoạt của hai bị hại là 4.500.000 đồng

Cáo trạng số 01/CTr -KSĐT ngày 09/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện CL đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, Nguyễn Văn T khai nhận các hành vi phạm tội của mình như các lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với Bản kết luận điều tra và nội dung kết luận của Cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị hại cùng vật chứng thu giữ của vụ án. Bị cáo cho rằng sau khi phạm tội đã nhận thức được sai phạm của mình nên đã đưa tài sản chiếm đoạt được là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S ra Công an xã XL nhận tội để mong nhận được sự khoan hồng, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 cướp giật được ở xã TL do sợ khai nhiều sẽ nặng tội hơn nhưng sau nhận thức lại nên đến ngày 20/11/2017 bị cáo đưa giao nộp cho cơ quan Công an huyện CL. Nay thực sự hối hận nên xin được chiếu cố khoan hồng giảm nhẹ.

Các bị hại đều cho rằng bị cáo nhất thời phạm tội, đã biết ăn năn hối hận, tài sản cũng đã được trả lại không bị thiệt hại gì nên đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời trình bày này đều được những người Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại xác nhận là trung thực và đều đồng ý với ý kiến trên của người được mình bảo vệ.

Tại phiên tòa, giữ quyền công tố, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 điều 136, điểm g khoản 1 điều 48, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điều 47 Bộ luật Hình sự 1999. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Buộc bị cáo phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ lời khai của bị cáo, lời trình báo và lời khai của các bị hại, biên bản về việc người ra đầu thú cùng cùng vật chứng thu giữ được có cơ sở kết luận: Với mục đích có tiền trả nợ nên Nguyễn Văn T đã thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản của người đi đường bằng cách sử dụng xe mô tô một mình điều khiển đi trên đường phát hiện người đi xe mô tô hoặc xe đạp điện một mình mà để điện thoại di động sơ hở trong túi quần phía sau, khi qua chỗ vắng người và nạn nhân không chú ý,

Nguyễn Văn T điều xe máy của mình áp sát xe của nạn nhân rồi dùng tay rút lấy điện thoại di động của họ để sau túi quần rồi nhanh chóng quay xe bỏ chạy đưa tài sản về nhà cất dấu. Cụ thể: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 0531 áp sát cháu Đặng Thị Hồng Nh đang đi xe đạp điện một mình trên đường tỉnh lộ 548 rồi lấy của Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 trị giá 1.500.000 đồng, tại khu vực cách cầu Thuần Chân khoảng 300 mét thuộc địa phận xã TL và bằng thủ đoạn tương tự, khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày 16/11/2017 Nguyễn Văn T đã lấy của cháu Hoàng Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S trị giá 3.000.000 đồng tại khu vực qua nhà nghĩ Hello thuộc thị trấn Ng khi Q đi xe mô tô một mình trên đường XD.

[3] Hành vi trên của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản", Tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 136 Bộ luật Hình sự 1999 và điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 .

Do bị cáo sử dụng xe mô tô - là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi đối với người đang điều khiển xe mô tô, đi với tốc độ cao, có thể gây thiệt hại đến tính mạng và sức khỏe của nạn nhân mà còn có thể cả bản thân bị cáo và cả người khác là thuộc trường hợp tăng nặng định khung *Dùng thủ đoạn nguy hiểm*.

Do hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật Hình sự 2015 (được sữa đỗi bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành và tình tiết tăng nặng định khung *Dùng thủ đoạn nguy hiểm* cũng đều được quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự 2015, mà khoản 2 của hai điều này đều có hình phạt tương đương nhau nên căn cứ vào khoản 1 diều 7 Bộ luật Hình sự 2015, hành vi phạm tội trên của Nguyễn Văn T được áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 để xử lý là có căn cứ và phù hợp.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không những đã xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của người khác đã được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn, gây tâm lý bất an, dư luận xấu trong nhân dân. Do đó cần phải được xử lý nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu răn đe phòng ngừa, góp phần ổn định tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn.

[4] Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện đến hai lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra công an xã trình diện và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó đã tự nộp lại tài sản do phạm tội mà có, được các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo có ông nội và chú ruột là Liệt sỹ, có bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thuộc diện gia đình có công với cách mạng; Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn: Bố mất, có hai em ruột bị tàn tật, con nhỏ, vợ sắp sinh. Việc bị cáo tự ra khai nhận hành vi phạm tội của mình khi chưa có ai biết hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, cơ quan điều tra kết luận là bị cáo "Đầu thú", Hội đồng xét xử thấy

cần nên xem đây là tình tiết "Tự thú", theo hướng có lợi cho bị cáo là phù hợp. Trên đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 mà bị cáo được hưởng.

Với hành vi đó của bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới bảo đảm yêu cầu cải tạo giáo dục bị cáo, tác dụng răn đe ngăn ngừa các loại tội phạm. Tuy nhiên xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án tiền sự, có thái độ ăn năn hối cải cao nghĩ cần nên áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt dưới khung hình phạt truy tố là phù hợp.

Từ các nhận xét nói trên, căn cứ vào khoản 1 điều 7, điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự 2015; điểm d khoản 2 điều 136 và điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã được nhận xét ở trên, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tuy nhiên không nên phạt bị cáo ở mức thấp nhất như Kiểm sát viên đề xuất mà nên để mức khoảng 26 tháng là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định, vì vậy căn cứ vào khoản 5 điều 136 Bộ luật Hình sự 1999 nghĩ không nên phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản được thu hồi và đã được trả lại cho các bị hại, nay không ai yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Điều tra Công an huyện CL có thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, 01 xe mô tô nhãn hiệu Super Dream biển kiểm soát 61T4 – 0531do Nguyễn Văn T giao nộp. Xét chiếc điện thoại Samsung J3 là tài sản của cháu Đặng Thị Hồng Nh và chiếc điện thoại OPPO F1S là tài sản của cháu Hoàng Thị Q bị T chiếm đoạt. Còn chiếc xe mô tô mặc dù đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu Ng nhưng là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Th bị Nguyễn Văn T lấy sử dụng nhưng khi Nguyễn Văn T lấy sử dụng làm phương tiện phạm tội chị Th không biết. Vì vậy sau khi kết thúc điều tra, cơ quan Điều tra công an huyện CL đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 7, điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 (Đã được sữa đỗi bổ sung năm 2017); điểm d khoản 2 điều 136, điểm g khoản 1 điều 48, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 , xử phạt Nguyễn Văn T 26 (*Hai mươi sáu*) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" .

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án bị cáo.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, điều 6, điểm a khoản 5 điều 17, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTV

QH14 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đ (*Hai trăm ngàn*) án phí Hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Lê Công Quế

Nơi nhận
- VKSND Huyện CL;
- Công an Huyện CL;
- Chi cục THADS Huyện CL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Người bảo vệ Q&LIHP của người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu THAHS, Lưu VP.